TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2023/DS-ST
Ngày: 17/4/2023.
"*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Quốc Tuấn.**

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Nguyễn Văn Cường.**
2. Bà **Đặng Ngọc Thu.**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Bùi Thị Bé Diễm** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa***: Không tham dự.

Ngày 17 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 140/2022/TLST-DS, ngày 22/8/2022 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2023/QĐXXST-DS ngày 07/3/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 119/2023/QĐST-DS ngày 29/3/2023 giữa các đương sự:

*. *Nguyên đơn*: Ông **Mai Thanh T**, sinh năm 1975.
Cư trú tại: Số B, khóm E, phường I, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (*Có đơn xin vắng mặt*).

*. *Bị đơn*: Ông **Huỳnh Đức N**, sinh năm 1974 (*Vắng mặt*).
Địa chỉ: Số B, khóm A, phường I, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15/7/2022, bản tự khai và quá trình tố tụng giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Nguyên đơn với bị đơn có mối quan hệ quen biết và thân thiết với nhau. Do cần tiền trả lương thợ làm thuê nên ông N (*Thường gọi là T1*) hỏi vay số tiền 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*) thể hiện với hình thức ông T cho ông N mượn không tính lãi. Ông T đồng ý và đưa ông N nhận tiền xong có viết biên nhận cam kết thời hạn trả là 30 ngày kể từ ngày 24/3/2016 đến 24/4/2016.

Đến hạn thanh toán, ông N cố tình trì hoãn né tránh và tìm cách khất nợ với lý do chưa thu được nợ nên hẹn vào thời gian gần nhất trả sẽ thanh toán nợ. Dù đã được nhắc nợ nhiều lần nhưng ông T vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, thời gian gần đây nhất vào tháng 4/2022 ông T đến gặp ông N để nhắc nợ nhưng ông T vẫn cố tình không trả nợ. Vì vậy, ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Huỳnh Đức N trả số tiền nợ vay chưa thanh toán 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*) theo biên nhận nợ ngày 24/3/2016 và yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng kể từ sau ngày 24/4/2016 cho đến khi thanh toán hết nợ.

***Bị đơn*:** Ông Huỳnh Đức N đã được Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án nhưng hết thời hạn theo thông báo bị đơn không cung cấp văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã tiến hành thông báo hợp lệ nhiều lần thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do chính đáng. Như vậy, vụ án không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được do bị đơn cố tình vắng mặt. Ngoài ra, vào ngày 08/11/2022 ông N nộp trực tiếp đến Tòa án bản ý kiến (*Viết tay*) có nội dung ông N thừa nhận có vay của ông T số tiền 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*) theo biên nhận ngày 24/3/2016, tuy nhiên số tiền đó ông N vay dùm cho người bạn. Khi giao dịch ông N trực tiếp giao kết và nhận tiền từ ông T và ông N viết giấy nợ. Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông N thống nhất sẽ trả số nợ vay 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*) nhưng xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi trả hết nợ, xin miễn không tính lãi và hẹn mngày 15/11/2022 đến tòa án hòa giải với nguyên đơn. Tuy nhiên, ngày 15/11/2022 ông N vẫn cố tình không đến dự hòa giải.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt kèm theo bản tự khai yêu cầu Tòa án buộc ông Huỳnh Đức N trả số tiền nợ vay 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*) và tính lãi từ 24/4/2016 đến 17/4/2023 là 20.832.000 đồng. Tổng cộng vốn gốc và lãi là 50.832.000 đồng; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ tham dự phiên tòa nhiều lần nhưng vắng mặt không đến phiên tòa và không cung cấp chứng cứ gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét đánh giá chứng cứ có trong hồ sơ. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. ***Về tố tụng***: Đây là vụ án có quan hệ pháp luật về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, các đương sự tham gia tố tụng đảm bảo năng lực pháp luật tố tụng dân sự và năng lực hành vi tố tụng dân sự. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền loại việc của Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định tại các Điều 26, 35, 39, 69 và Điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại thành phố V nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

[2]. ***Về áp dụng pháp luật***:

Nguyên đơn và bị đơn đều xác định tại thời điểm các đương sự xác lập quyền và nghĩa vụ (*Biên nhận nợ ngày 24/3/2016*) trước ngày 01/01/2017 là ngày Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật. Hiện tại các bên chưa thực hiện xong quyền, nghĩa vụ nên áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết.

[3]. ***Về nội dung***:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Sau khi xem xét đánh giá chứng cứ do các đương sự cung cấp là biên nhận ngày 24/3/2016 và lời thừa nhận nợ của bị đơn thể hiện tại bản ý kiến đề ngày 08/11/2022 có nội dung bị đơn xác nhận có vay của nguyên đơn số tiền vay 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*), bị đơn thống nhất trả nợ vay nhưng xin trả dần và không tính lãi. Xét thấy lời thừa nhận của bị đơn phù hợp với chứng cứ nguyên đơn cung cấp nên Hội đồng xét xử xét kết luận giao dịch dân sự hợp đồng vay giữa nguyên đơn và bị đơn xác lập ngày 24/3/2016 đối với số tiền vay 30.000.000 đồng là có thật, nội dung giấy nợ thể hiện ý chí các bên xác lập trên cơ sở tự nguyện nên hợp đồng vay (Thể hiện bằng biên nhận nợ ngày 24/3/2016) có hiệu lực. Vì vậy, Hội đồng xét xử công nhận những tình tiết chứng cứ của nguyên đơn cung cấp là sự thật theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tuy, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn cố tình vắng mặt, Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn không có văn bản nêu ý kiến để phản bác lại chứng cứ và yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn chỉ xin trả dần và không đồng ý tính lãi. Tuy nhiên, bị đơn không có thiện chí tham gia hoà giải và nguyên đơn không đồng ý cho bị đơn trả dần và vẫn yêu cầu tính lãi. Hội đồng xét xử xét thấy hợp đồng vay giữa các bên xác lập là hợp đồng vay không lãi, có xác định thời hạn thanh toán nợ. Do bị đơn cố tình không thực hiện nghĩa vụ nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu thanh toán vốn vay và lãi kể từ ngày kết thúc thời hạn thanh toán nợ mà bị đơn không thực hiện nghĩa vụ là có căn cứ. Xét mức lãi suất 0,83%/tháng và thời hạn tính lãi nguyên đơn yêu cầu là phù hợp pháp luật. Vì vậy chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn từ sau ngày 25/4/2016 đến ngày xét xử hôm nay (17/4/2023) theo số tiền lãi nguyên đơn yêu cầu là 20.832.000 đồng.

Từ những phân tích trên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn tổng dư nợ (*nợ gốc và lãi*) là 50.832.000 đồng, trong đó nợ gốc là 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*).

[3]. ***Về án phí***: Buộc bị đơn nộp 2.542.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 40, 147, 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng các Điều 463, 466, 468 và Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

1. *Về nội dung*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn ông Huỳnh Đức N có nghĩa vụ trả cho ông Mai Thanh T số tiền nợ vay 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*) theo biên nhận ngày 24/3/2016 và số tiền lãi 20.832.000 đồng (*Hai mươi triệu, tám trăm ba mươi hai ngàn đồng*). Tổng cộng các khoản vốn và lãi là 50.832.000 đồng (*Năm mươi triệu, tám trăm ba mươi hai ngàn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. *Án phí*: Buộc bị đơn ông Huỳnh Đức N nộp số tiền 2.542.000 đồng (*Hai triệu, năm trăm bốn mươi hai ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 1.214.000 đồng (*Một triệu, hai trăm mười bốn triệu)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số No: 0001436 ngày 18/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long.

3. *Quyền kháng cáo*: Báo cho nguyên đơn và bị đơn biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 *(Mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để xin Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Tuấn

Nơi nhận:
- TAND tỉnh VL;
- VKSND cùng cấp;
- THADS cùng cấp;
- Các đương sự;
- Lưu VT;
- Lưu hồ sơ.